

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

Số: /TB-ĐKT

THÔNG BÁO

Tổ chức kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ và Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 30/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ và Công tác đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-STP ngày 12/3/2026 của Giám đốc Sở Tư pháp thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP của Chính phủ và Công tác đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đoàn kiểm tra thông báo tổ chức kiểm tra, cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP

a) Tình hình tổ chức, quán triệt, phổ biến Nghị định số 63/2024/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Kết quả triển khai liên thông điện tử đối với 02 nhóm thủ tục hành chính:

- Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

- Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

c) Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và các phần mềm chuyên ngành trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ.

d) Tình hình kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan Tư pháp – Công an – Bảo hiểm xã hội – Y tế – Nội vụ và các cơ quan có liên quan.

e) Thời gian giải quyết hồ sơ, tỷ lệ đúng hạn, quá hạn; các trường hợp có vướng mắc, nguyên nhân và biện pháp xử lý.

2. Kiểm tra công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

a) Việc thực hiện quy trình, thủ tục đăng ký hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các văn bản liên quan: đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn, cải chính hộ tịch, xác nhận tình trạng hôn nhân, nuôi con nuôi...

b) Công tác lưu trữ, quản lý sổ hộ tịch, hồ sơ, dữ liệu hộ tịch điện tử; việc cập nhật, đồng bộ thông tin vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

c) Công tác quản lý, sử dụng con dấu, chữ ký số, trách nhiệm của công chức làm công tác hộ tịch trong thực hiện nhiệm vụ.

d) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, niêm yết công khai thủ tục hành chính; việc tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

e) Việc tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị, đơn thư liên quan đến lĩnh vực hộ tịch (nếu có).

3. Kiểm tra về tổ chức, nhân sự và điều kiện bảo đảm

a) Tình hình bố trí công chức làm công tác hộ tịch tại UBND các phường, xã; công chức tiếp nhận và giải quyết 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP; năng lực, trình độ chuyên môn, việc tham gia tập huấn, bồi dưỡng.

b) Điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và thực hiện liên thông điện tử.

c) Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và triển khai Nghị định số 63/2024/NĐ-CP.

4. Kiến nghị, đề xuất

a) Đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy trình liên thông điện tử.

b) Đề xuất cải thiện điều kiện nhân lực, cơ sở vật chất, phần mềm, dữ liệu.

c) Kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).

II. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC KIỂM TRA

Kiểm tra trực tiếp tại các địa phương, thời gian dự kiến theo Phụ lục 01.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đoàn kiểm tra

- Tổ chức kiểm tra theo đúng nội dung, thời gian, đối tượng đã được phê duyệt; bảo đảm khách quan, công khai, không gây cản trở hoạt động của đơn vị được kiểm tra.

- Tổng hợp kết quả kiểm tra, lập biên bản, dự thảo kết luận kiểm tra và báo cáo Sở Tư pháp để trình Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định. Kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện quy trình, quy định liên quan.

- Chủ động chuẩn bị trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác kiểm tra (máy tính xách tay, phương tiện làm việc cần thiết khác).

2. Đề nghị UBND các phường, xã

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, sổ sách, dữ liệu hộ tịch; báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP; cung cấp thông tin theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

- Phối hợp chặt chẽ với Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra; bảo đảm cung cấp thông tin trung thực, chính xác, kịp thời.

- Gửi báo cáo bằng văn bản về Đoàn kiểm tra trước ít nhất **03 ngày làm việc** kể từ ngày tiến hành kiểm tra (Phụ lục 01, Phụ lục 02).

- Bố trí phòng làm việc cho Đoàn kiểm tra, bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất và kết nối internet.

3. Đề nghị Văn phòng Sở

- Phối hợp Phòng Hành chính tư pháp tổng hợp nhu cầu kinh phí, dự toán kinh phí, tham mưu Giám đốc Sở gửi Sở Tài chính thẩm định.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để phục vụ công tác kiểm tra, bảo đảm thuận lợi và hiệu quả.

4. Đề nghị Phòng Hành chính tư pháp

- Làm đầu mối tổng hợp báo cáo, chủ động liên hệ và phối hợp với các địa phương trong quá trình tổ chức kiểm tra.

- Dự trù kinh phí triển khai thực hiện, phối hợp Văn phòng Sở tham mưu Giám đốc Sở gửi Sở Tài chính thẩm định.

(Kèm theo Kế hoạch là Đề cương báo cáo và Phụ lục dự kiến thời gian kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị)

Trên đây là Thông báo tổ chức kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP của Chính phủ và Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai của Đoàn kiểm tra./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- UBND các phường, xã;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Đoàn kiểm tra;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, HCTP.

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
Nguyễn Trọng Trí

Phụ lục 01
ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN KIỂM TRA
(kèm theo Thông báo số _____/TB-ĐKT ngày _____/03/2026 của Đoàn kiểm tra)

STT	Tên đơn vị, địa phương	Thời điểm kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra
1	UBND phường Trảng Dài	Ngày 07/4/2026	Từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm kiểm tra
2	UBND phường Tân Triều		
3	UBND xã Tân An	Ngày 21/4/2026	
4	UBND xã Trị An		
5	UBND xã Đắc Ô	Ngày 13/5/2026	
6	UBND xã Phú Nghĩa		
7	UBND phường Tam Phước	Ngày 26/5/2026	
8	UBND phường Long Hưng		
9	UBND xã Thọ Sơn	Ngày 10/6/2026	
10	UBND xã Bù Đăng		
11	UBND xã An Viễn	Ngày 24/6/2026	
12	UBND xã Trảng Bom		
13	UBND xã Long Hà	Ngày 08/7/2026	
14	UBND xã Phú Riềng		
15	UBND xã Xuân Quế	Ngày 21/7/2026	
16	UBND xã Xuân Đường		
17	UBND phường An Lộc	Ngày 29/7/2026	
18	UBND phường Bình Long		

19	UBND xã Xuân Thành	Ngày 11/8/2026	
20	UBND xã Xuân Bắc		
21	UBND xã Đồng Phú	Ngày 26/8/2026	
22	UBND xã Tân Lợi		
23	UBND xã Xuân Phú	Ngày 03/9/2026	
24	UBND xã Xuân Định		
25	UBND xã Nghĩa Trung	Ngày 16/9/2026	
26	UBND xã Phước Sơn		
27	UBND xã Tà Lài	Ngày 06/10/2026	
28	UBND xã Tân Phú		
29	UBND phường Phước Bình	Ngày 14/10/2026	
30	UBND phường Phước Long		
31	UBND xã Phước Thái	Ngày 3/11/2026	
32	UBND xã Long Phước		
33	UBND xã Lộc Tấn	Ngày 11/11/2026	
34	UBND xã Lộc Thạnh		

Phụ lục 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 63/2024/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VÀ CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ HỘ TỊCH TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(kèm theo Thông báo số _____/TB-ĐKT ngày _____/03/2026 của Đoàn kiểm tra)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Ban hành văn bản chỉ đạo, kế hoạch

- Các văn bản đã ban hành để triển khai Nghị định số 63/2024/NĐ-CP và công tác đăng ký, quản lý hộ tịch (ghi rõ tên văn bản, số, ngày ban hành).
- Việc lồng ghép nội dung thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP vào kế hoạch công tác hàng năm của địa phương.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến

- Hình thức tuyên truyền: họp chuyên môn, niêm yết tại trụ sở, tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, hướng dẫn trực tiếp cho người dân...
- Đối tượng tuyên truyền: cán bộ, công chức; người dân trên địa bàn.
- Đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền.

3. Phân công nhiệm vụ, phối hợp thực hiện

- Việc phân công công chức phụ trách công tác hộ tịch, công chức phụ trách công tác tiếp nhận, giải quyết 02 nhóm thủ tục hành chính theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP.
- Sự phối hợp giữa UBND cấp xã và với các cơ quan liên quan (Công an, BHXH, Y tế...).
- Sự phối hợp giữa các phòng, đơn vị tại UBND cấp xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 63/2024/NĐ-CP

1. Triển khai liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính

a) Nhóm thủ tục khai sinh – thường trú – cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận:
- Số hồ sơ giải quyết đúng hạn:
- Số hồ sơ trễ hạn (nêu rõ nguyên nhân):
- Số hồ sơ không liên thông, đồng bộ:
- Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện.

b) Nhóm thủ tục khai tử – xóa đăng ký thường trú – giải quyết mai táng phí, tử tuất

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận:

- Số hồ sơ giải quyết đúng hạn:
- Số hồ sơ trễ hạn (nêu rõ nguyên nhân):
- Số hồ sơ không liên thông, đồng bộ:.....
- Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin

- Việc sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.
- Tình hình kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan liên quan (Công an, BHXH, Y tế...).
- Đánh giá mức độ ổn định của hệ thống, phần mềm.
- Khó khăn, vướng mắc trong quá trình sử dụng (nếu có).

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ HỘ TỊCH

1. Thực hiện đăng ký các việc hộ tịch

Số lượng các việc hộ tịch đã giải quyết trong kỳ báo cáo:

a) Khai sinh

- Tổng số tiếp nhận trong kỳ: ... (trong đó: trực tiếp: ...; trực tuyến: ...; dịch vụ bưu chính: ...).
- Giải quyết đúng hạn: ...; trễ hạn: ... (nêu rõ nguyên nhân).

b) Kết hôn

- Tổng số tiếp nhận trong kỳ: ... (trong đó: trực tiếp: ...; trực tuyến: ...; dịch vụ bưu chính: ...).
- Giải quyết đúng hạn: ...; trễ hạn: ... (nêu rõ nguyên nhân).

c) Khai tử

- Tổng số tiếp nhận trong kỳ: ... (trong đó: trực tiếp: ...; trực tuyến: ...; dịch vụ bưu chính: ...).
- Giải quyết đúng hạn: ...; trễ hạn: ... (nêu rõ nguyên nhân).

d) Cải chính, bổ sung hộ tịch:

- Tổng số tiếp nhận trong kỳ: ... (trong đó: trực tiếp: ...; trực tuyến: ...; dịch vụ bưu chính: ...).
- Giải quyết đúng hạn: ...; trễ hạn: ... (nêu rõ nguyên nhân).

đ) Xác nhận tình trạng hôn nhân:

- Tổng số tiếp nhận trong kỳ: ... (trong đó: trực tiếp: ...; trực tuyến: ...; dịch vụ bưu chính: ...).
- Giải quyết đúng hạn: ...; trễ hạn: ... (nêu rõ nguyên nhân).

2. Công tác quản lý, lưu trữ hộ tịch

- Việc trang bị kho lưu trữ Sổ hộ tịch theo quy định.
- Việc quản lý, lưu trữ sổ hộ tịch, hồ sơ giấy.
- Việc cập nhật, đồng bộ dữ liệu hộ tịch điện tử.

3. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Niêm yết công khai thủ tục hành chính.
- Việc tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ Hành chính công.
- Mức độ hài lòng của người dân (nếu có).

4. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị

- Số lượng phản ánh, kiến nghị liên quan đến 02 nhóm thủ tục liên thông theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP và công tác hộ tịch (nếu có).
- Kết quả xử lý.

V. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM

1. Nhân sự

- Số lượng công chức tiếp nhận và giải quyết 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông.
- Số lượng công chức làm công tác hộ tịch.
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Việc tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ.

2. Cơ sở vật chất, hạ tầng

- Trang thiết bị làm việc (máy tính, máy in, máy scan...).
- Hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền internet.
- Mức độ đáp ứng yêu cầu thực hiện liên thông điện tử.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được
2. Những tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân

VII. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

1. Các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP.
2. Giải pháp nâng cao chất lượng công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại địa phương.

VIII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Chính phủ, Bộ Tư pháp.
2. Đối với UBND tỉnh.
3. Đối với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan.